

**THÔNG TƯ**

**Quy định mức thu, nộp phí, lệ phí  
trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây lâm nghiệp**

*Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;*

*Thực hiện Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 04 tháng 3 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp cấp bách tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, bảo đảm an sinh xã hội ứng phó với dịch Covid-19;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách thuế;*

*Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định mức thu, nộp phí, lệ phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây lâm nghiệp.*

**Điều 1. Mức thu, nộp phí, lệ phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây lâm nghiệp**

1. Tổ chức, cá nhân khi đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp văn bằng bảo hộ, cấp chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp; nộp đơn đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; cấp chứng chỉ hành nghề đại diện sở hữu công nghiệp, công bố, đăng bạ đại diện sở hữu công nghiệp thực hiện nộp lệ phí như sau:

a) Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020, nộp lệ phí bằng 50% mức thu quy định tại Mục I Biểu phí, lệ phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây lâm nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 207/2016/TT-BTC ngày 09 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây lâm nghiệp (sau đây gọi là Thông tư số 207/2016/TT-BTC).

Trong thời gian có hiệu lực của Thông tư này, không nộp lệ phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây lâm nghiệp theo mức thu quy định tại Mục I Biểu

phí, lệ phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây lâm nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 207/2016/TT-BTC.

b) Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 trở đi, nộp lệ phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây lâm nghiệp theo mức thu quy định tại Mục I Biểu phí, lệ phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây lâm nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 207/2016/TT-BTC.

2. Tổ chức, cá nhân khi nộp đơn yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền bảo hộ giống cây trồng (duy trì hiệu lực Bằng bảo hộ giống cây trồng) thực hiện nộp phí như sau:

a) Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020

- Trường hợp duy trì hiệu lực Bằng bảo hộ giống cây trồng từ năm thứ 1 đến năm thứ 9, nộp phí bằng 80% mức thu quy định tại Điểm 3 Mục III Biểu phí, lệ phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây lâm nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 207/2016/TT-BTC.

- Trường hợp duy trì hiệu lực Bằng bảo hộ giống cây trồng từ năm thứ 10 đến hết thời gian hiệu lực của Bằng bảo hộ, nộp phí bằng 70% mức thu quy định tại Điểm 3 Mục III Biểu phí, lệ phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây lâm nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 207/2016/TT-BTC.

Trong thời gian có hiệu lực của Thông tư này, không nộp phí bảo hộ giống cây trồng đối với trường hợp duy trì hiệu lực Bằng bảo hộ giống cây trồng theo mức phí quy định tại Điểm 3 Mục III Biểu phí, lệ phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây lâm nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 207/2016/TT-BTC.

b) Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 trở đi, nộp phí bảo hộ giống cây trồng đối với trường hợp duy trì hiệu lực Bằng bảo hộ giống cây trồng theo mức thu quy định tại Điểm 3 Mục III Biểu phí, lệ phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây lâm nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 207/2016/TT-BTC.

## **Điều 2. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 6 năm 2020 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020.

2. Các nội dung về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, người nộp, tổ chức thu, mức thu, kê khai, nộp phí, lệ phí; quản lý, sử dụng phí; chứng từ thu, công khai chế độ thu phí, lệ phí và các nội dung khác liên quan không quy định tại Thông tư này thực hiện theo quy định tại Thông tư số 207/2016/TT-BTC.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, hướng dẫn bổ sung./.

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- UBND, Sở Tài chính, Cục Thuế, Kho bạc Nhà nước các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, CST (CST5). *Mr* (250b)

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỦ TRƯỞNG**



**Vũ Thị Mai**